

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ:

BIỂN, ĐẢO, BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM VỚI TRUNG QUỐC - LÀO - CAMPUCHIA

“CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM Ở HOÀNG SA, TRƯỜNG SA - TƯ LIỆU VÀ SỰ THẬT LỊCH SỬ”

Cuốn sách *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa - Tư liệu và sự thật lịch sử* của GS, TS Nguyễn Quang Ngọc, Nxb Đại học Quốc gia xuất bản năm 2017 là một công trình nghiên cứu công phu và hệ thống, cung cấp những chứng cứ khoa học vững chắc, trong đó có những chứng cứ lịch sử và những chứng cứ lịch sử - pháp lý, khẳng định chủ quyền lâu đời của Việt Nam đối với hai quần đảo này. Đồng thời, cuốn sách cũng trình bày những tranh chấp, tranh biện về chủ quyền hai quần đảo do Trung Quốc dấy lên từ năm 1909 cùng những hành động xâm lược và mưu đồ độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc từ năm 1946 đến nay.

Nguồn tư liệu được tác giả tiếp cận, đó là:

- Nguồn tư liệu chữ Hán cổ Việt Nam (trong đó gồm tài liệu chính thức của Nhà nước Việt Nam);
- Nguồn tư liệu khảo sát thực địa;
- Nguồn tư liệu Trung Quốc;
- Nguồn tư liệu thư tịch phương Tây (chủ yếu của Công ty Đông Ấn,

Anh, Pháp, Hà Lan, tư liệu của người Bồ, tư liệu của Hội truyền giáo Pháp...);

Trên bình diện quốc tế, tác giả cũng thu thập được thông tin từ các kho sách ở Nga, Pháp, Nhật Bản, Đài Loan, Bỉ, Hà Lan, Anh, Đức, Úc, Hoa Kỳ, Indônêsi, v.v...

- Ở trong nước, đó là các nguồn từ các kho lưu trữ Trung ương như Ủy ban Biên giới Quốc gia, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ tư lệnh Hải quân và các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia, Viện nghiên cứu Hán Nôm, Viện Sử học, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Đại học Quốc gia Hà Nội, các thư viện ở Trung ương và các tỉnh, thành phố, các cơ quan chuyên trách, các bộ sưu tập của cá nhân, các nhà khoa học, v.v... Tư liệu tham khảo, liệt kê được 245 đầu mục, gồm tiếng Việt và ngoại văn.

Công trình được chia làm 5 chương, chúng tôi xin giới thiệu một cách khái quát, dựa theo bố cục của công trình.

Chương I: *Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa trên Biển*

Đông và Chương II: Biển Đông trong công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam cho đến thế kỷ XVI.

Các chương này được trình bày như là những tiền đề, những cơ sở tự nhiên, lịch sử, xã hội và văn hóa cho toàn bộ quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa và Trường Sa (tr. 25).

Trong chương I, ở nội dung *Biển Đông - một cái nhìn tổng quan*, tác giả phân tích một cách cụ thể về các lĩnh vực địa-tự nhiên, địa-kinh tế, địa-chính trị và địa-quân sự..., của vùng biển này. Tổng hợp từ nhiều nguồn tài liệu, công trình nêu rõ Biển Đông là một trong 5 bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới, trữ lượng băng cháy ở đây lớn tương đương với trữ lượng dầu khí; là cầu nối Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương, nối châu Âu và Trung Đông với châu Á, nơi đây có 5 tuyến hàng hải cấp khu vực và nhiều tuyến hàng hải cấp quốc gia (tr.30).

Công trình cũng phác họa *Máy nét về biển Việt Nam* (tr.34) và giới thiệu vài lĩnh vực, đặc điểm của *Hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa trên Biển Đông* (tr. 43). Theo số liệu về địa lý tự nhiên, cứ 100 km² lãnh thổ đất liền, Việt Nam có 1km bờ biển, và không một nơi nào trên lục địa của đất liền Việt Nam lại cách bờ biển xa hơn 500km, như thế bất cứ một địa điểm nào trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam cũng đều chịu tác động của “yếu tố biển”, và cũng có thể phát huy lợi thế của “yếu tố biển” trở lại địa bàn đó. Bên cạnh các loại tài nguyên thiên nhiên như tài nguyên sinh vật, phi sinh vật, tài nguyên giao thông vận tải, du lịch... công trình còn thông tin về loại “tài nguyên” đặc biệt khác. Đó là giá trị chiến lược - chính trị - quốc phòng - an ninh vô cùng quan trọng.

Cụ thể, theo Điều 121, Khoản 3 Công ước của Liên Hợp quốc về Luật

biển năm 1982, nếu một bãi san hô, đảo đá ngoài khơi xa lục địa này không thích hợp cho con người đến ở hoặc không có đời sống kinh tế riêng, thì ít nhất cũng mang lại cho quốc gia sở hữu 1.543km² lãnh hải. Có nghĩa là, với bất kỳ một đảo đá nào cũng mang lại cho vùng biển xung quanh giá trị gấp nhiều lần so với giá trị của bản thân đảo hay đá đó. Hơn nữa, các đảo, đá, bãi cạn nửa nổi, nửa chìm của Hoàng Sa, Trường Sa lại nằm giữa Biển Đông và rải rác trên một vùng biển rộng lớn, giá trị tổng hợp của hai quần đảo càng được nhân lên. Về quân sự - quốc phòng, Trường Sa và Hoàng Sa có giá trị như một tàu sân bay không chìm, là căn cứ để đóng quân, tiếp dầu, sửa chữa; để luyện tập; thử nghiệm vũ khí, khí tài và tác chiến. Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa cũng là phòng tuyến bảo vệ đất nước từ xa, là tiền tiêu canh giữ và khởi động phản công/ tiến công; kiểm soát bảo vệ các tuyến giao thông hàng hải và hàng không trong khu vực...

Công trình cũng dành phần thích đáng điểm lại nhiều loại cứ liệu, từ truyền thuyết kể chuyện Lạc Long Quân hóa phép diệt trừ Ngư tinh ngoài Biển Đông (Đông Hải), khai thông đường biển. Kế đến là cứ liệu về khảo cổ học với không gian văn hóa Sa Huỳnh - Nhà nước Lâm Ấp, Champa; không gian văn hóa Óc Eo-Vương quốc Phù Nam và Đế quốc Phù Nam (tr.80 và 90). Căn cứ vào kết quả của các cuộc khai quật khảo cổ học, với sự khảo cứu của các nhà khảo cổ học và sử học Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, Lương Ninh, Trịnh Sinh, Lâm Thị Mỹ Dung..., cùng nhiều học giả quốc tế, tác giả công trình viết “hoàn toàn có cơ sở để có thể khẳng định trên các đảo thuộc các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã có người từ thời tiền sử cho đến người Việt Nam trong nhiều thế kỷ liên tục cho đến

ngày nay qua lại, làm ăn và cư trú” (tr. 89).

Kể theo đó, *Biển Đông và con đường nam tiến của quốc gia Đại Việt thế kỷ XI-XVI*, điểm lại diễn trình khai mở, khai chiếm, khai thác, từng bước làm chủ biển đảo/ Biển Đông của các triều đại Lý, Trần, Lê, Mạc, của cư dân văn hóa Sa Huỳnh, Đồng Nai, Óc Eo, Phù Nam.

Vậy là, lịch sử Việt Nam được mở đầu bằng sự ra đời của ba vương quốc cổ đại đầu tiên là nước Văn Lang - Âu Lạc ở miền Bắc, nước Lâm Ấp - Champa ở miền Trung và nước Phù Nam ở miền Nam. Lịch sử Việt Nam được tích hợp ít nhất từ ba dòng như thế. Các vương quốc nói trên cùng có chung một dải Biển Đông, đều có nguồn gốc biển của mình và trong thực tế biển đã giữ vai trò hết sức quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, là nhân tố quyết định cả sự hình thành, hưng thịnh hoặc suy tàn của mỗi vương quốc. Nguyễn Bình Khiêm - bậc hiền triết, một đại diện kiệt xuất nhất của trí tuệ Việt Nam thế kỷ XVI, thấu hiểu nguồn năng lượng dồi dào từ Biển Đông mang lại và cái căn cốt sức sống đất nước phải cậy nhờ ở biển cả đã nêu thành minh triết, thành nguyên tắc sinh tồn Việt Nam.

“Biển Đông vạn dặm giang tay giữ

Đất Việt muôn năm vững trị bình”
(tr. 122)

Chương III và Chương IV, tác giả nêu bật một sự thực lịch sử là từ đầu thế kỷ XVII cho đến đầu thế kỷ XX, các nhà nước quân chủ Việt Nam đã chiếm hữu thật sự và thực thi chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa một cách đầy đủ, trọn vẹn trong hòa bình và không hề gặp sự phản đối hay tranh chấp của bất cứ một quốc gia nào. Đây là hình thức thiết lập chủ quyền của nhà nước trên một lãnh thổ

vô chủ, hoàn toàn không có liên quan gì đến chủ quyền của quốc gia khác, nhằm mục đích mở rộng lãnh thổ quốc gia, hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc thụ đắc lãnh thổ của luật pháp quốc tế (tr.25).

Chương III, *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa trong thời kỳ chúa Nguyễn và vương triều Tây Sơn thế kỷ XVII-XVIII*. Nhiều nhà hàng hải phương Tây đương thời ghi lại thực tế từ thế kỷ XVI, cư dân duyên hải miền Trung Việt Nam (tức cư dân Chăm, có cư dân Việt và có cư dân hòa huyết Chăm-Việt), từ Thuận Hóa - vốn là đất cũ của Vương quốc Champa, vươn ra biển và Nam tiến tìm sinh kế mới; vượt qua cái khó của vùng cần cỗi. Nhiều bản đồ hàng hải phương Tây đánh dấu nhóm bãi cạn ở phía Tây Nam quần đảo Hoàng Sa (được gọi chung là Pracel hay Paracels), trong đó có tám bản đồ hoàn chỉnh, chính xác nhất đương thời của nhà địa lý học Hà Lan G.Mercator, vẽ năm 1569, xuất bản khoảng những năm 1585-1595 (tr.134). Vùng biển đảo duyên hải kể trên vốn thuộc Vương quốc Champa đến đầu thế kỷ XV đã từng bước được tích hợp vào lãnh thổ nước Đại Việt.

Năm 1620, Nguyễn Phúc Nguyên trả lại sắc của chúa Trịnh, cắt đứt hẳn mọi quan hệ lệ thuộc với chính quyền Lê-Trịnh, khẳng định dứt khoát quyền độc lập thật sự của chính quyền chúa Nguyễn ở phương Nam. Nguyễn Phúc Nguyên, vị chúa Nguyễn đầu tiên tự xưng An Nam Quốc Vương xử lý quan hệ quốc tế trong tư thế một quốc gia độc lập, có chủ quyền, và GS.Kawamoto Kuniye nhận xét, điều này đã “biểu lộ nhận thức quốc tế của chúa Nguyễn trước thời đại mới” (tr.137). Dù vẫn cần thời gian để khảo cứu tư liệu dị bản, vẫn có thể thấy rõ Chúa Tiên Nguyễn Hoàng khi vào Nam

dựng nghiệp phải xử lý nhu cầu chiếm lĩnh các quần đảo giữa Biển Đông và ông đã chuẩn bị những bước đi đầu tiên cho việc chiếm lĩnh các quần đảo giữa Biển Đông. Nhưng, cũng theo tư liệu, đến cuối thập niên 20 và đầu thập niên 30 thế kỷ XVII, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên chính là người lập ra đội Hoàng Sa - một hình thức khai chiếm - xác lập và thực thi chủ quyền hết sức độc đáo trên các vùng quần đảo giữa Biển Đông (tr.149). Đây cũng là dấu mốc lịch sử và pháp lý về chủ quyền Nhà nước của Việt Nam với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Chương IV, *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa trong thời kỳ nhà Nguyễn thế kỷ XIX* (tr.189). Công trình điểm lại các hoạt động thể hiện việc tiếp tục sự nghiệp khai chiếm - xác lập và thực thi chủ quyền đối với các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa... bởi các triều vua Nguyễn. Vu Hưởng Đông, chuyên gia Trung Quốc nghiên cứu về biển đảo Việt Nam cho biết: “Nhân tố biển đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành và phát triển của các thế lực cát cứ các chúa Nguyễn... Vua Gia Long nhờ vào biển để phát triển thế lực của mình...” (tr.191). Vu Hưởng Đông dành nhiều dòng nói về những công tích lẫy lừng trên biển của Vua Gia Long; nhưng điều quan trọng ông chưa nói tới, đó là hoạt động xác lập một cách tuyệt đối và thực thi một cách đầy đủ chủ quyền ở Hoàng Sa và Trường Sa của ông với tư cách là người sáng lập và đứng đầu vương triều Nguyễn. Dưới thời Gia Long hoạt động của các đội Hoàng Sa, Bắc Hải được tích hợp với đội Thủy quân, dần dần được điều chỉnh nâng cấp thành một đội Thủy quân thống nhất, từ dân binh Quảng Ngãi, Bình Thuận thành lực lượng quân đội chính quy của Nhà nước đặc trách công việc bảo vệ chủ quyền ở Hoàng Sa và Trường Sa. Theo giám mục người Pháp Jean

Louis Taberd, người từng nhiều năm truyền giáo ở Trung Kỳ và Nam Kỳ, năm 1816 vua Gia Long đã tới và long trọng cắm lá cờ của mình, chính thức khẳng định chủ quyền ở các bãi đá này (Pracel và xung quanh), mà chắc chắn là sẽ không có một ai sẽ tìm cách tranh giành với ông ta (tr. 200). Năm 1850, cũng là miêu tả sự kiện trên, M.A Dubois de Jancigni, cựu đại úy, phái viên của Chính phủ Pháp tại Trung Quốc và Đông Dương đã viết, nhà vua Gia Long đã chủ tâm đính thêm đóa hoa độc nhất vô nhị đó (tức Paracels - Cát Vàng) vào chiếc vương miện của ông... chính vì thế mà năm 1816 ông đã long trọng kéo lá cờ xứ Đàng trong lên mảnh đất đó (tr. 204). Tiếp theo Gia Long, Minh Mệnh đặt ra nguyên tắc vẽ bản đồ chính thức của vương triều phải bao bọc được cả Biển Nam (Hoàng Sa, Trường Sa), Biển Tây (Vịnh Thái Lan) và dứt khoát phải mang tên Đại Nam (tr. 219). Như thế, đến đây người Việt Nam vừa xác lập, khẳng định và thực thi chủ quyền ở Hoàng Sa, Trường Sa, vừa thể hiện nó một cách rõ ràng minh bạch trên bản đồ quốc gia chính thức và thống nhất.

Trong suốt gần 150 năm vương triều Nguyễn (1802-1945), ngay cả đến thập kỷ cuối thế kỷ XIX, khi đất nước không còn độc lập, không có bất cứ một vị vua nào nhân danh đất nước hoặc nhân danh vương triều tuyên bố từ bỏ chủ quyền ở Hoàng Sa, Trường Sa. Giữa lúc đó cả Pháp và Trung Quốc đều chưa quan tâm hay chưa có điều kiện quan tâm đến vùng biển đảo “hoang vu và cần cỗi nhất địa cầu” này, thì thế kỷ XIX lại là thế kỷ huy hoàng của lịch sử xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa một cách thật sự, trọn vẹn trong hòa bình và hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc thụ đắc lãnh thổ của luật pháp quốc tế.

Chương V, *Tranh chấp, tranh biện về chủ quyền và thực trạng chiếm đóng hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam từ 1909 đến nay*. Đây là một vấn đề rất lớn, có thể thiết kế riêng những công trình nghiên cứu lớn. Đặt trong logic của công trình này, sách giới thiệu một cách khái lược và làm nổi bật một chân lý lịch sử là mặc dù trong những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, phức tạp, ngay cả khi đất nước đã bị mất quyền độc lập, chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa vẫn được các thế hệ người Việt Nam nêu cao và gìn giữ bằng mọi giá.

Ngay ở đầu chương này, tác giả luận giải về quá trình tranh chấp, tranh biện về chủ quyền trên các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam từ năm 1909 đến năm 1939. Tác giả vạch rõ, mặc dù *Sách Trắng* của Trung Quốc khẳng định từ thời Hán Vũ Đế (140 tr.CN- 88 Tr.CN), Trung Quốc đã phát hiện ra hai quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa), nhưng hoàn toàn không có bất kỳ tư liệu nào chứng minh cho luận điểm hoang tưởng này. Bản đồ Trung Quốc cho đến thập kỷ đầu của thế kỷ XX vẫn chỉ dừng lại ở đảo Hải Nam với những lời giải thích tuyệt đối chính xác rằng “điểm tận cùng của Trung Quốc là bờ biển Nhai Châu trên quần đảo Quỳnh Châu tức 18^o13’ vĩ độ Bắc” (tr. 261). Và, không chỉ bản đồ Trung Quốc mà bản đồ phương Tây cũng vẽ và giải thích về phạm vi lãnh thổ, lãnh hải của Trung Quốc hoàn toàn đúng như vậy. Ví như, tại Thư viện Menzies (Đại học Quốc gia Úc), lưu giữ tám bản đồ Trung Quốc của Peter de Goyer và Jacob de Keyzer thuộc Công ty Đông Ấn Hà Lan thế kỷ XVII trong một bộ sách đồ sộ, khi mô tả địa lý Trung Quốc, cũng chỉ dừng lại ở đảo Hải Nam với lời giải thích rất cụ thể và chính xác là “nơi xa nhất của Trung Quốc (tính theo chiều ngang...)”

(tr.264). Thư tịch và bản đồ cổ của Trung Quốc tính cho đến cuối thế kỷ XIX và thậm chí cả những năm cuối thập niên đầu của thế kỷ XX đều phản ánh một thực tế hết sức hiển nhiên là vùng lãnh thổ, lãnh hải truyền thống của Trung Quốc chưa bao giờ vượt qua đảo Hải Nam (tr.265).

Lần theo lịch sử chiếm hữu các quần đảo giữa Biển Đông, tác giả cho biết, “Mãi cho đến năm 1919, Tổng cục Bưu chính thuộc Bộ giao thông nước Trung Hoa Dân quốc cho biên soạn và xuất bản bộ bản đồ Trung Quốc các thời đại trong lịch sử, mặc nhiên các thời đại trước từ Tần, Hán cho đến Đường, Tống, Nguyên, Minh... không có tấm bản đồ nào có đánh dấu khu vực Tây Sa (Hoàng Sa), Nam Sa (Trường Sa) là thuộc lãnh thổ Trung Quốc. Đặc biệt, tấm bản đồ *Thanh đại đồ* cũng chỉ vẽ lãnh thổ Trung Quốc đến cực Nam của đảo Hải Nam (tr. 270).

Đến cuối những năm 1930, Trung Quốc bắt đầu đề cập đến các tên Đoàn Sa, Nam Sa, nhưng thực tế họ chưa có một biểu hiện cụ thể nào có thể được coi là hành động chiếm hữu dù chỉ là bộ phận rất nhỏ thuộc các quần đảo này. GS.Monique Chemiller-Gendreau xác nhận, từ những hành vi trong năm 1909, dù có bổ sung thêm vài đặc nhượng, đánh dấu một sự quan tâm nhất định nhưng không đủ cấu thành một sự chiếm hữu lâu dài, thật sự, hòa bình và liên tục (tr.273).

Về hoạt động của Pháp. Từ thái độ “nhắm mắt làm ngơ” cho đến quyết tâm của Pháp giành và giữ chủ quyền của các quần đảo giữa Biển Đông trên cơ sở chủ quyền thật sự và lâu đời của Vương quốc An Nam.

Ngày 1 -10 -1949, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, đơn vị đồn trú của Trung Hoa Dân quốc phải rời khỏi đảo Phú Lâm, nhưng không có

lực lượng quân đội Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thay thế. Sau khi đơn vị quân đội của Trung Hoa Dân quốc rời khỏi đảo Phú Lâm cho đến 1954 chỉ còn quân đội Pháp là lực lượng duy nhất đại diện cho quân đội Liên hiệp Pháp độc chiếm quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 14 -10 -1950, Chính phủ Pháp chính thức chuyển giao lại cho Chính phủ Bảo Đại quyền quản lý và bảo vệ quần đảo Hoàng Sa (tr. 300).

Tại diễn đàn Hội nghị San Francisco ngày 7-9-1951, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Chính phủ quốc gia Việt Nam Trần Văn Hữu, với tư cách thành viên chính thức của Hội nghị đã long trọng tuyên bố: “Chúng tôi khẳng định chủ quyền của mình đối với quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Hai quần đảo này luôn luôn là một phần của Việt Nam” (tr.301).

Chủ quyền của Việt Nam và thực trạng chiếm đóng của các bên tranh chấp ở Hoàng Sa, Trường Sa từ 1956 đến nay, là nội dung hãn hãn rằng độc giả có nhiều điều kiện tiếp cận từ các ấn phẩm và phương tiện truyền thông.

Trong thời kỳ chính thể Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam từ 1956 đến 1975, cả về ngoại giao và quân sự, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa luôn thể hiện quyết tâm và ý chí bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam.

Ngày 13 -7 -1971, tại Hội nghị ASPECT Manila, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa Trần Văn Lắm tuyên bố khẳng định các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam (tr. 307). Ngày 11 - 1 - 1974, do bị Trung Quốc chủ động tiến công trước trong bối cảnh Hải quân Việt Nam Cộng hòa đang gặp quá nhiều khó khăn, nên bị thất thủ. Ngay khi chiến sự đang diễn ra, ngày 19 -1 - 1974, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng

hòa ra tuyên cáo: “Với tư cách một nước nhỏ bị Trung Quốc vô cớ tấn công, Việt Nam Cộng hòa kêu gọi toàn thể các dân tộc trên thế giới hãy cương quyết lên án các hành vi chiến tranh thô bạo của Trung cộng nhằm vào một quốc gia độc lập và có chủ quyền để buộc Trung cộng phải tức khắc chấm dứt các hành động nguy hiểm đó” (tr.308).

Ngày 20 -1 -1974, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ra tuyên bố phản đối hành động Trung Quốc dùng vũ lực thôn tính toàn bộ quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam (tr. 308).

Trong thời kỳ đất nước Việt Nam thống nhất, đổi mới và hội nhập quốc tế từ năm 1975 đến nay. Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, quân và dân ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thu non sông về một mối, trong đó có quần đảo Trường Sa.

Ngày 24 - 9 -1975, trong cuộc viếng thăm Trung Quốc của Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng dẫn đầu, khi thảo luận về vấn đề bất đồng quan điểm giữa hai nước đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, Phó Thủ tướng Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Đặng Tiểu Bình tuyên bố: “Vấn đề tất nhiên sẽ được đưa ra thảo luận trong tương lai” (tr.312). Ngày 1 -1 -1956, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc Hồ Diệu Bang đã ra tận Hoàng Sa khảo sát, chuẩn bị cho chủ trương phiêu lưu mới của Trung Quốc (tr. 315). Từ đây, mật độ các cuộc xâm nhập vùng biển Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam, chiếm giữ trái phép các bãi đá (Chữ Thập, Châu Viên, Huy Gơ, GaVen, Xu Bi...) và cản trở Việt Nam hoạt động bảo vệ và sinh sống trong khu vực chủ

quyền của Việt Nam liên tục diễn ra, đặc biệt nghiêm trọng như vụ Trung Quốc đưa nhiều tàu hộ vệ tên lửa đến Gạc Ma ngăn cản bộ đội Việt Nam làm nhiệm vụ, và cho lính xông lên chiếm Gạc Ma; Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trong thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam (tháng 5 - 2014) (tr.321).

Bất chấp những thương lượng và phản đối của Việt Nam cùng áp lực từ quốc tế, tính đến tháng 7 - 2015, Trung Quốc đã hủy hoại hàng trăm km² bề mặt của các thềm rạn san hô, biến các bãi cạn nửa nổi nửa chìm, diện tích nhô lên khỏi mặt biển lúc thủy triều lên cao chỉ vài chục mm thành các đảo nhân tạo, ước tính khoảng trên 128.000.000 m² trên bề mặt của các đảo nhân tạo này có thể dễ dàng nhận ra các đường băng, bến cảng, hải đăng, trạm radar, căn cứ hậu cần và

căn cứ quân sự hiện đại. Và, tình hình tranh chấp, căng thẳng ở Biển Đông chỉ được giải quyết khi, cùng với các nước liên quan, mà cả cộng đồng quốc tế và nhân loại tiến bộ, bằng nỗ lực phi thường trên nguyên tắc tôn trọng triệt để, thực sự, và thực hiện nghiêm chỉnh Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển 1982; đặc biệt hơn cả phải là sự tinh mẫn và hành xử tuân thủ luật pháp quốc tế của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (tr.325).

(*) GS, TS Nguyễn Quang Ngọc: *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa - Tư liệu và sự thật lịch sử*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2017

Thiếu tướng PGS,TS Trịnh Vương Hồng (Nguyên Viện trưởng Viện Lịch sử quân sự Việt Nam)/Tập chí Lý luận chính trị

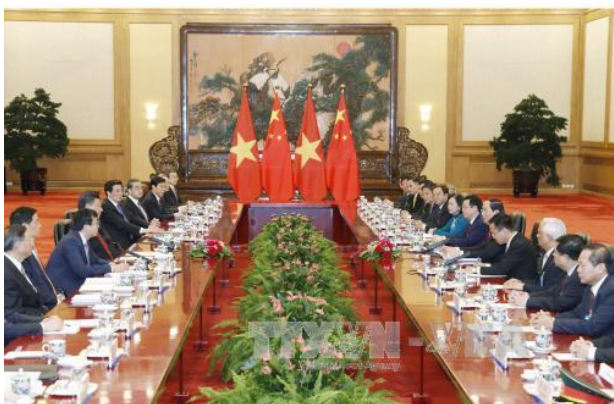
ĐƯA QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN LÀNH MẠNH, BỀN VỮNG

Chiều 11/5, tại Đại lễ đường Nhân dân ở thủ đô Bắc Kinh, Chủ tịch nước Trần Đại Quang đã hội đàm với Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình.

Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình nhiệt liệt chào mừng Chủ tịch nước Trần Đại Quang và Đoàn Đại biểu cấp cao Việt Nam thăm cấp Nhà nước Trung Quốc; nhấn mạnh chuyến thăm Trung Quốc đầu tiên của đồng chí Trần Đại Quang trên cương vị Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam có ý nghĩa quan trọng, góp phần thúc đẩy và làm sâu sắc hơn quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Trung Quốc.

Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình nhiệt liệt chúc mừng và đánh giá cao những thành tựu to lớn mà Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam đã đạt được trong thời gian qua, bày tỏ tin tưởng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam sẽ thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội lần thứ XII của Đảng đề ra, sớm đưa Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, thực hiện thành công mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình khẳng định Đảng, Nhà nước và nhân dân Trung Quốc coi trọng cao độ quan hệ hợp tác hữu nghị với Việt

Nam; mong muốn và sẵn sàng nỗ lực cùng Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam tiếp tục tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước, đưa quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt - Trung phát triển lành mạnh, ổn định. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình bày tỏ vui mừng sẽ tiến hành chuyến thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam và tham dự Hội nghị Cấp cao APEC 2017 tổ chức tại Đà Nẵng, đồng thời khẳng định ủng hộ Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao APEC 2017.



Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình hội đàm với Chủ tịch nước Trần Đại Quang. Ảnh: Nhan Sáng/TTXVN

Chủ tịch nước Trần Đại Quang chân thành cảm ơn Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, lãnh đạo và nhân dân Trung Quốc về sự đón tiếp trọng thị, chu đáo, thân tình đồng chí; nhiệt liệt chúc mừng những thành tựu to lớn mà Đảng, Nhà nước và nhân dân Trung Quốc đã đạt được trong công cuộc đi sâu cải cách toàn diện thời gian qua; bày tỏ tin tưởng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc do đồng chí Tập Cận Bình làm hạt nhân, Đảng, Nhà nước và nhân dân Trung Quốc tiếp tục giành được những thành tựu to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng nước Trung Quốc xã hội chủ nghĩa hiện đại, giàu mạnh, dân chủ, văn minh, hài hòa, đóng góp tích cực vào hòa bình, ổn định, phồn vinh của khu vực và thế

giới. Chủ tịch nước Trần Đại Quang chân thành chúc Đại hội XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc được tổ chức vào cuối năm nay thành công tốt đẹp. Chủ tịch nước Trần Đại Quang bày tỏ hoan nghênh Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình thăm Việt Nam và tham dự Hội nghị Cấp cao APEC 2017; khẳng định các cơ quan chức năng của Việt Nam sẽ phối hợp với các cơ quan hữu quan Trung Quốc chuẩn bị tốt nhất cho chuyến thăm này.

Chủ tịch nước Trần Đại Quang nhấn mạnh Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng gần gũi, có nhiều nét tương đồng, quan hệ hữu nghị truyền thống “vừa là đồng chí, vừa là anh em” được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Mao Trạch Đông cùng các thế hệ lãnh đạo tiền bối dày công gây dựng, vun đắp trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc của cả hai nước đã trở thành tài sản chung quý báu của hai đất nước, hai dân tộc, cần được gìn giữ, kế thừa và phát huy. Hiện nay, hai nước đều đang tiến hành đổi mới và cải cách, mở cửa, thực hiện sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; sự gần gũi, tương đồng về văn hóa, cũng như sự phát triển, ổn định và thành tựu của mỗi nước có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với cả hai nước. Việc củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị Việt - Trung không ngừng phát triển lành mạnh, ổn định, ngày càng tốt đẹp là nhu cầu khách quan, phù hợp với lợi ích cơ bản, lâu dài của nhân dân hai nước, có lợi cho hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực và thế giới.

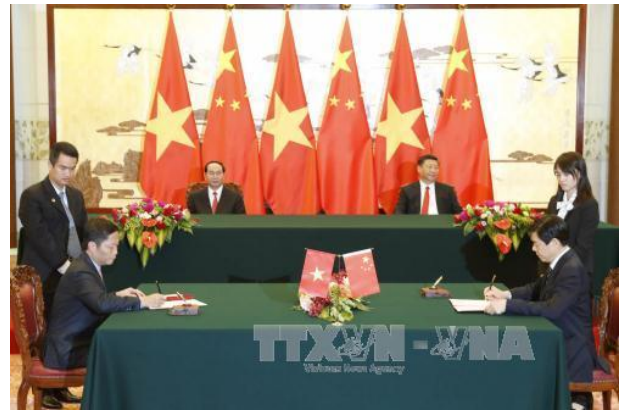
Chủ tịch nước khẳng định chủ trương nhất quán của Đảng, Nhà nước Việt Nam là luôn coi trọng, chân thành mong muốn phát triển quan hệ láng giềng hữu nghị và hợp tác toàn diện

với Đảng, Nhà nước Trung Quốc, đây là sự lựa chọn chiến lược và là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Tại cuộc hội đàm, hai nhà lãnh đạo bày tỏ vui mừng về những tiến triển tích cực của quan hệ giữa hai Đảng, hai nước trong thời gian qua; đồng thời đi sâu trao đổi về các định hướng lớn nhằm tăng cường tin cậy, củng cố tình hữu nghị, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hợp tác thực chất trên các lĩnh vực, duy trì hòa bình, ổn định trên biển, đưa quan hệ Việt Nam - Trung Quốc tiếp tục phát triển lành mạnh, bền vững trong thời gian tới.

Hai bên nhất trí tiếp tục duy trì trao đổi, tiếp xúc cấp cao thường xuyên giữa lãnh đạo hai Đảng, hai nước nhằm định hướng chiến lược, chỉ đạo thúc đẩy các lĩnh vực hợp tác, kịp thời trao đổi, giải quyết các vấn đề nảy sinh, duy trì cục diện hữu nghị và đà phát triển lành mạnh, ổn định cho quan hệ Việt - Trung; tổ chức tốt Cuộc gặp Đại diện hai Bộ Chính trị; phát huy tốt vai trò của Ủy ban Chỉ đạo hợp tác song phương Việt Nam - Trung Quốc trong việc điều phối, thúc đẩy thực hiện nhận thức chung của lãnh đạo cấp cao hai nước; triển khai hiệu quả Kế hoạch Hợp tác giữa hai Đảng giai đoạn 2016 - 2020, Hội thảo lý luận hai Đảng; thúc đẩy các hoạt động trao đổi đoàn, hợp tác đào tạo cán bộ kênh Đảng; tiếp tục thúc đẩy giao lưu, hợp tác giữa các tổ chức Đảng địa phương; tăng cường giao lưu, hợp tác hữu nghị giữa Quốc hội Việt Nam với Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc, giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Hội nghị Hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc; thúc đẩy giao lưu, hợp tác trong các lĩnh vực ngoại giao, quốc phòng, an ninh và thực thi pháp luật; tăng cường chỉ đạo và ủng hộ giao lưu hữu nghị, hợp

tác cùng có lợi giữa các địa phương hai nước, nhất là các tỉnh/khu biên giới, thúc đẩy các địa phương liên quan phát huy tốt vai trò của các cơ chế hiện có, mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực, tích cực nghiên cứu các biện pháp tăng cường quản lý và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho lao động thời vụ tại khu vực biên giới hai nước.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình và Chủ tịch nước Trần Đại Quang chứng kiến ký kết các văn kiện hợp tác. Ảnh: Nhan Sáng/TTXVN

Hai nhà lãnh đạo nhất trí thúc đẩy, tạo sự chuyển biến tích cực, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác kinh tế và các lĩnh vực khác nhằm tạo nền tảng vững chắc phát triển quan hệ hữu nghị Việt - Trung; tăng cường chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp hai nước tập trung triển khai kịp thời, có chất lượng các kế hoạch, chương trình, dự án đã thỏa thuận; áp dụng các biện pháp hữu hiệu tăng cường thương mại song phương phát triển cân bằng; tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các Văn phòng xúc tiến thương mại Việt Nam tại một số địa phương Trung Quốc; khuyến khích doanh nghiệp hai bên tăng cường trao đổi thương mại, nhất là các mặt hàng nông, thủy hải sản, thực phẩm; khuyến khích doanh nghiệp Trung Quốc triển khai các dự án đầu tư công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, phù hợp với nhu cầu và chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam; tích cực

trao đổi, ký kết “Phương án tổng thể chung về xây dựng Khu hợp tác kinh tế qua biên giới” theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền và phù hợp với quy định pháp luật của mỗi bên.

Chủ tịch nước Trần Đại Quang đề nghị Trung Quốc áp dụng các biện pháp hữu hiệu nhằm giảm dần tình trạng nhập siêu của Việt Nam, nhất là tăng cường nhập khẩu các mặt hàng nông sản liên quan đến lợi ích thiết thực của nông dân Việt Nam; đề nghị đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, khoa học - công nghệ, ứng phó với biến đổi khí hậu, hỗ trợ Việt Nam lai tạo các giống lúa thích hợp với hạn hán và xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long; sớm trao đổi, ký kết gia hạn Thỏa thuận về đường dây nóng các vụ việc phát sinh đột xuất của hoạt động nghề cá trên biển; tăng cường hợp tác sử dụng bền vững nguồn nước sông Mekong - Lan Thương; ứng phó với những thách thức về an ninh nguồn nước, bảo vệ môi trường, an toàn hạt nhân...

Về vấn đề trên biển, Chủ tịch nước Trần Đại Quang khẳng định lập trường nhất quán của Việt Nam là kiên trì giải quyết tranh chấp ở Biển Đông bằng các biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, tôn trọng tiến trình ngoại giao và pháp lý; đề nghị hai bên thực hiện nghiêm túc nhận thức chung, các thỏa thuận, cam kết đã ký kết, nhất là Thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển; kiểm soát tốt bất đồng, không có các hành động làm phức tạp và mở rộng tranh chấp; xử lý thỏa đáng vấn đề nghề cá và hoạt động của ngư dân; thúc đẩy các cơ chế đàm phán trên biển sớm có tiến triển thực chất; tăng cường hợp

tác trong các lĩnh vực ít nhạy cảm trên biển; thực hiện đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố của các bên về cách ứng xử trên Biển Đông (DOC), phấn đấu cùng ASEAN hoàn tất Bộ Quy tắc về cách ứng xử trên Biển Đông (COC) trong năm 2017 nhân dịp kỷ niệm 15 năm ký DOC.

Kết thúc hội đàm, Chủ tịch nước Trần Đại Quang và Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đã chứng kiến lễ ký kết 5 văn kiện hợp tác, bao gồm: Hiệp định hợp tác kinh tế - kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Thỏa thuận về tăng cường hợp tác trong tình hình mới giữa Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Bản ghi nhớ về hợp tác thương mại điện tử giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn 2017 - 2020 giữa Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Trường Đảng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Hiệp định vay ưu đãi Chính phủ khoản vay bổ sung cho Dự án đường sắt đô thị Hà Nội - Hà Đông giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc.

Nhân dịp này, Chủ tịch nước Trần Đại Quang và Phu nhân và Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Phu nhân đã thăm khu trưng bày triển lãm ảnh “Việt Nam trong mắt nghệ sỹ nhiếp ảnh Trung Quốc” tại Đại lễ đường Nhân dân.

Tối cùng ngày, tại Đại lễ đường Nhân dân, Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Phu nhân đã

chủ trì chiêu đãi trọng thể chào mừng Chủ tịch nước Trần Đại Quang, Phu nhân và Đoàn Đại biểu cấp cao Việt

Nam sang thăm cấp Nhà nước tới Trung Quốc.

Theo <http://baotintuc.vn>

ĐỘNG LỰC MỚI CHO QUAN HỆ ĐẶC BIỆT LÀO-VIỆT NAM

Chuyến thăm chính thức của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đến CHDCND Lào có ý nghĩa rất quan trọng đối với cả hai nước trong bối cảnh hai nước chuẩn bị chào mừng kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao.



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc gặp Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Lào Bounnhang Vorachith trong ngày 6/9/2016. Ảnh: Thống Nhất/TTXVN

Nhận lời mời của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào Thongloun Sisoulith, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc thăm chính thức Lào trong hai ngày 26 - 27/4.

Đây là chuyến thăm chính thức đầu tiên của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đến CHDCND Lào trên cương vị Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam. Chuyến thăm có ý nghĩa rất quan trọng đối với cả hai nước, khi hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai

nước đang tích cực chuẩn bị cho các hoạt động chào mừng kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 40 năm Ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Lào - Việt Nam.

Thời gian qua, quan hệ chính trị Việt Nam - Lào ngày càng gắn bó, tin cậy, phát triển và đi vào chiều sâu trên tất cả các lĩnh vực; có sự đồng thuận cao trên các diễn đàn hợp tác khu vực và quốc tế, góp phần vào sự phát triển của mỗi nước và việc giữ vững hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực cũng như thế giới. Việt Nam đã hỗ trợ có hiệu quả cho Lào trong việc đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN 2016 và tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN vào tháng 9/2016.

Quan hệ chính trị, ngoại giao Việt Nam-Lào tiếp tục được củng cố vững chắc; các Tuyên bố chung và Thỏa thuận cấp cao giữa Lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước đã được hai bên tập trung triển khai thực hiện tốt. Sau Đại hội Đảng của mỗi nước, hai bên đã tổ chức trao đổi nhiều đoàn cấp cao thăm chính thức lẫn nhau giúp tăng cường sự tin cậy, gắn bó keo sơn giữa hai Đảng, hai Chính phủ và nhân dân hai nước. Đặc biệt là các chuyến thăm chính thức đầu tiên trên cương vị mới nhiệm kỳ 2016-2021 của Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào Bounnhang Volachith tới Việt Nam và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam

Nguyễn Phú Trọng tới Lào; các chuyến thăm của các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị hai bên đã góp phần đưa quan hệ hai Đảng, hai nước lên một tầm cao mới.

Hai bên cũng tiếp tục hợp tác tốt về quốc phòng-an ninh, xây dựng tuyến biên giới Việt-Lào ổn định và phát triển toàn diện; đấu tranh hiệu quả chống các thế lực thù địch, các loại tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm ma túy... Dự án tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc giới quốc gia Việt Nam-Lào đã hoàn thành; Hiệp định và Nghị định thư liên quan đã được ký ngày 16/3/2016. Đây là bước tiến quan trọng trong việc tăng cường quản lý đường biên giới quốc gia Việt Nam-Lào, góp phần xây dựng cơ sở pháp lý vững chắc cho hợp tác giữa hai bên trong vấn đề bảo vệ và quản lý biên giới lãnh thổ.

Đầu tư Việt Nam vào Lào tiếp tục đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế-xã hội của Lào với 408 dự án được cấp phép, tổng vốn đầu tư khoảng 3,7 tỷ USD, giúp tạo việc làm cho nhiều người dân địa phương Lào. Trong năm 2016, đã có thêm một số dự án lớn được đưa vào vận hành khai thác, nổi bật là dự án thủy điện Xekaman 1 đã hoàn thành và phát điện; khách sạn Mường Thanh Vientiane được đưa vào sử dụng phục vụ Hội nghị cấp cao ASEAN vào tháng 9/2016...

Thương mại giữa hai nước được chú trọng, các hoạt động xúc tiến thương mại được đẩy mạnh; Hiệp định Thương mại song phương mới và Hiệp định Thương mại biên giới được hai bên tích cực phối hợp triển khai. Các cơ chế ưu đãi về thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hóa có xuất xứ từ hai nước được hai bên tiếp tục thực hiện; Danh mục các mặt hàng được

hưởng thuế suất bằng 0% ngày càng mở rộng.

Kết nối giao thông vận tải giữa hai nước đã có những tiến bộ rõ rệt. Hai bên đã tập trung triển khai có hiệu quả Biên bản ghi nhớ về Chiến lược hợp tác trong lĩnh vực giao thông vận tải, trong đó, hai bên đã thống nhất Kế hoạch 5 năm (2016-2020) thực hiện Bản ghi nhớ này; hoàn thành nghiên cứu tiền khả thi dự án xây dựng đường cao tốc Hà Nội-Vientiane và ký kết Thỏa thuận về đầu tư xây dựng dự án (tháng 11/2016). Việc tìm kiếm nguồn vốn để triển khai xây dựng các tuyến đường quan trọng khác nối liền hai nước cũng đang được hai bên phối hợp thúc đẩy. Hai bên đang tiếp tục phối hợp với Nhóm tư vấn của ADB đánh giá, rút kinh nghiệm mô hình kiểm tra “một cửa, một lần dừng” và xem xét khả năng nhân rộng triển khai mô hình này tại nhiều cặp cửa khẩu khi có điều kiện...

Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực cho Lào ngày càng được tăng cường về số lượng, cải thiện về chất lượng với các phương thức và loại hình đào tạo đa dạng, phong phú, đáp ứng yêu cầu đổi mới của Lào; các cơ sở đào tạo lưu học sinh Lào tại Việt Nam được quan tâm đầu tư nâng cấp. Chất lượng học tập của lưu học sinh Lào theo diện Hiệp định có chuyển biến tốt. Tính đến thời điểm hiện tại, số lưu học sinh Lào đang có mặt học tập tại Việt Nam là hơn 14.000 người, trong đó diện hiệp định hơn 3.400 người. Chính phủ Lào cũng dành nhiều suất học bổng cho cán bộ, học sinh Việt Nam sang học tập tại Lào theo chương trình đại học, sau đại học và bồi dưỡng ngắn hạn; các địa phương, doanh nghiệp của Việt Nam, bằng nguồn lực của mình cũng đã hỗ trợ có hiệu quả công tác đào tạo nguồn nhân lực cho Lào.

Hợp tác giữa các bộ, ban, ngành, các Ủy ban Quốc hội, đoàn thể và các tổ chức nhân dân... của hai nước tiếp tục được đẩy mạnh và thực hiện linh hoạt, hiệu quả, thiết thực thông qua các hoạt động trao đổi đoàn, trao đổi kinh nghiệm và giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau, ký kết các biên bản hợp tác. Hợp tác trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, khoa học xã hội, tài nguyên môi trường, nông nghiệp, thông tin truyền thông, lao động, văn hóa, bảo tàng, du lịch... được hai bên quan tâm chú trọng.

Quan hệ giúp đỡ lẫn nhau, nhất là các địa phương có chung đường biên giới, tiếp tục được tăng cường, đặc biệt trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, chăm sóc y tế, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn tại các khu vực biên giới hai nước. Các dự án ODA của Việt Nam dành cho Lào về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của tiến độ đề ra với 2 dự án đã hoàn thành, chất lượng đáp ứng được yêu cầu, gồm Dự án xây dựng trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp - tỉnh Xiengkhuang và dự án Đài Phát thanh Truyền hình tại tỉnh Oudomxay.

Đặc biệt, ngày 8/2/2017 vừa qua, tại Hà Nội, Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc cùng Thủ tướng Lào Thonglun Sisoulith đã đồng chủ trì Kỳ họp lần thứ 39 Ủy ban liên Chính phủ về hợp tác song phương Việt Nam-Lào. Đây là kỳ họp đầu tiên do hai Thủ tướng đồng chủ trì, cho thấy hai Chính phủ đặc biệt coi trọng và làm hết sức mình nhằm nâng tầm quan hệ hợp tác song phương trong chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện các thỏa thuận hợp tác hai nước. Nhất là năm 2017 hai nước đang hướng tới kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 40 năm Ngày ký Hiệp

ước hữu nghị - hợp tác giữa Việt Nam và Lào.

Tại Kỳ họp lần thứ 39, hai Thủ tướng đã thống nhất trong năm 2017 tập trung thực hiện tốt chỉ đạo của Bộ Chính trị hai đảng, thúc đẩy quan hệ chính trị - đối ngoại - an ninh quốc phòng, đầu tư, thương mại, mở rộng hợp tác đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư các dự án hạ tầng giao thông kết nối hai nước, hợp tác quản lý sử dụng bền vững nguồn nước và các nguồn tài nguyên thiên nhiên..., cùng quyết tâm tổ chức tốt “Năm đoàn kết hữu nghị Việt Nam-Lào 2017”.

Trên tinh thần tin cậy lẫn nhau, hai nước ủng hộ và hợp tác tốt tại các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực. Trong dịp này, hai bên đã ký 4 văn kiện hợp tác quan trọng, gồm: Thỏa thuận về kế hoạch hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào năm 2017; Biên bản Kỳ họp lần thứ 39 Ủy ban liên Chính phủ về hợp tác song phương Việt Nam - Lào; Kế hoạch hợp tác năm 2017 giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào; Biên bản Thỏa thuận thành lập công ty liên doanh đầu tư dự án xây dựng đường dây tải điện 500 kV Lào-Việt Nam. Những nội dung và định hướng trao đổi tại Kỳ họp lần thứ 39 vừa qua có ý nghĩa quan trọng trong việc cụ thể hóa những chương trình hợp tác cấp cao, giúp các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp hai nước thuận lợi hơn trong quá trình triển khai các hoạt động hợp tác, hướng tới thực hiện thành công kế hoạch năm 2017, cũng như tạo tiền đề cho việc tăng cường, thúc đẩy quan hệ hợp tác hai nước đi vào chiều sâu, thiết thực và hiệu quả hơn nữa trong giai đoạn tiếp theo.

Là hai nước láng giềng gần gũi, hai dân tộc Việt Nam và Lào từ lâu đã gắn bó keo sơn. Sự gắn bó mật thiết,

truyền thống đoàn kết mẫu mực, thủy chung, trong sáng và quan hệ đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước, được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Kaysone Phomvihane, Chủ tịch Souphanouvong, cùng nhiều thế hệ lãnh đạo cũng như nhân dân hai nước dày công vun đắp, đang ngày càng phát triển và vươn lên tầm cao mới. Đó là những tài sản vô giá được vun đắp bằng xương máu, sự hy sinh to lớn và là niềm tự hào của nhân dân hai nước Việt Nam và Lào.

Chuyến thăm hữu nghị chính thức CHDCND Lào của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc lần này chắc chắn sẽ tạo thêm động lực mới, giúp tăng cường và thắt chặt hơn nữa quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, gắn bó, tin cậy và hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới, đáp ứng mong muốn và lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và thế giới.

**Phạm Kiên - Xuân Tú /
Báo Tin tức TTXVN**

TĂNG CƯỜNG TÌNH ĐOÀN KẾT ĐẶC BIỆT GIỮA HAI NƯỚC VIỆT NAM - LÀO

Nhận lời mời của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân, Đoàn đại biểu cấp cao Quốc hội nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào do đồng chí Pany Yathotou, Chủ tịch Quốc hội dẫn đầu đã đến Thủ đô Hà Nội, thăm hữu nghị chính thức Việt Nam từ ngày 5-10/3/2017.



**Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân đón Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou.
Ảnh: Trọng Đức/TTXVN**

Sáng 6/3, Lễ đón chính thức Đoàn đại biểu cấp cao Quốc hội nước

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được tổ chức trọng thể tại Nhà Quốc hội, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân.

Sau lễ đón, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân và Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou dẫn đầu Đoàn đại biểu cấp cao Quốc hội hai nước đã tiến hành hội đàm.

Thay mặt Quốc hội Việt Nam, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân nhiệt liệt chào mừng Chủ tịch Quốc hội Pany Yathotou và Đoàn đại biểu cấp cao Quốc hội Lào sang thăm hữu nghị chính thức Việt Nam vào thời điểm hai nước cùng tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào (5/9/1962 - 5/9/2017) và 40 năm Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Lào (18/7/1977 - 18/7/2017).

Nhân kỷ niệm 62 năm ngày thành lập Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (22/3/1955 - 22/3/2017) và Tết cổ

truyền Bunpimay của nhân dân các dân tộc Lào sắp tới (14 - 16/4/2017), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân gửi tới Chủ tịch Quốc hội Pany Yathotou, các đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội và nhân dân các dân tộc Lào anh em lời chúc mừng tốt đẹp nhất.



Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân hội đàm với Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou. Ảnh: Trọng Đức/TTXVN

Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou bày tỏ vui mừng thăm hữu nghị chính thức Việt Nam, trân trọng cảm ơn sự đón tiếp trọng thị, nồng ấm tình hữu nghị, đồng chí anh em mà Quốc hội Việt Nam dành cho Đoàn; đồng thời bày tỏ hy vọng chuyến thăm sẽ góp phần tăng cường tình đoàn kết đặc biệt, quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước, hai Quốc hội Lào - Việt Nam ngày càng đi vào chiều sâu và hiệu quả hơn.

Thay mặt Quốc hội Lào, Chủ tịch Quốc hội Pany Yathotou cảm ơn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, nhân dân Việt Nam đã ủng hộ, hỗ trợ và có những giúp đỡ quý báu, kịp thời, hiệu quả trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước Lào hiện nay.

Hai Chủ tịch Quốc hội đánh giá cao các chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao hai nước đã tạo khuôn khổ và động lực thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Lào trên các lĩnh vực cụ thể. Để tăng

cường hơn nữa quan hệ hợp tác giữa hai nước trong thời gian tới, hai Chủ tịch Quốc hội nhất trí cần tăng cường phối hợp thực hiện có hiệu quả các văn kiện, chương trình, kế hoạch hợp tác giữa hai bên.

Hai bên tiếp tục duy trì trao đổi thường xuyên các chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao hai nước và tăng cường trao đổi các đoàn học tập kinh nghiệm giữa các bộ, ngành, địa phương hai nước trên tinh thần hiệu quả, thiết thực; tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp để kịp thời giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quan hệ hai nước.

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân cho biết, Quốc hội Việt Nam sẽ tích cực triển khai kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 40 năm Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Lào, đảm bảo thiết thực và hiệu quả. Hai Chủ tịch thống nhất, Lễ khánh thành Khu di tích lịch sử Cách mạng Việt Nam - Lào tại tỉnh Sơn La là hoạt động có ý nghĩa chính trị quan trọng, cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục truyền thống quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào cho thế hệ trẻ hai nước. Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân đã mời Chủ tịch Pany Yathotou sang tham dự Lễ khánh thành Khu di tích, dự kiến vào tháng 7/2017.

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân và Chủ tịch Pany Yathotou nhận định, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, tiềm ẩn nhiều nhân tố khó lường, hai bên phối hợp chặt chẽ, ủng hộ lẫn nhau tại các diễn đàn quốc tế, khu vực, cũng như các cơ chế hợp tác tiểu vùng; làm sâu sắc hơn tiến trình hợp tác, liên kết của Cộng đồng ASEAN, tăng cường đoàn kết, phát huy vai trò trung tâm của

ASEAN và duy trì tiếng nói chung của ASEAN trong các vấn đề chiến lược của khu vực.

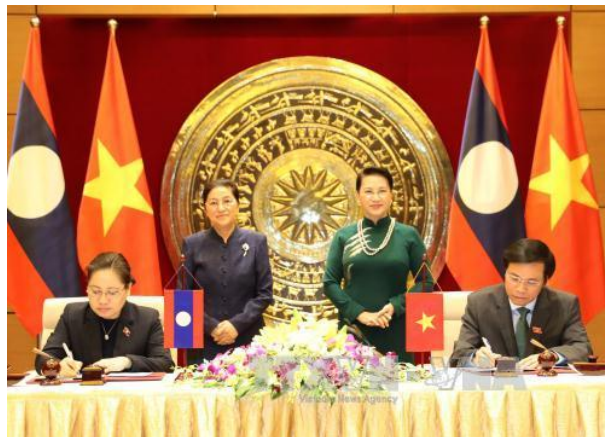
Chủ tịch Pany Yathotou nhấn mạnh, Đảng, Nhà nước Lào cảm ơn và đánh giá cao việc Việt Nam hỗ trợ nguồn vốn xây dựng Nhà Quốc hội Lào, coi đây là biểu hiện sinh động của tình hữu nghị, đoàn kết đặc biệt giữa Lào và Việt Nam, do Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Kayson Phomvihane, Chủ tịch Souphanouvong dày công vun đắp và không ngừng gìn giữ, phát huy, trở thành tài sản chung vô giá của hai dân tộc.

Về quan hệ hai Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội Lào thống nhất với phương hướng bổ sung năm 2017 và cho rằng, hai Quốc hội cần tiếp tục thúc đẩy Chính phủ hai nước xem xét, giải quyết các vấn đề còn vướng mắc, kịp thời đưa ra quyết định cũng như cơ chế, biện pháp khuyến khích nhằm đưa quan hệ thương mại, đầu tư, hợp tác giáo dục... giữa hai nước ngày càng phát triển. Các Ủy ban của Quốc hội hai nước tiếp tục giám sát việc thực hiện các cam kết và thỏa thuận hợp tác đã đạt được giữa hai Chính phủ, nhất là những vấn đề liên quan đến tài nguyên môi trường, cùng nhau xây dựng biên giới Lào - Việt Nam hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân nhất trí rằng, Quốc hội hai bên sẽ phối hợp chặt chẽ để thúc đẩy dự án xây dựng Nhà Quốc hội Lào. Đây là công trình trọng điểm và rất có ý nghĩa trong việc củng cố, tăng cường tình đoàn kết đặc biệt giữa hai nước Việt Nam - Lào. Trong năm 2017, Quốc hội Việt Nam cùng Quốc hội Lào sẽ phối hợp tổ chức các hoạt động gặp gỡ trao đổi giữa hai Nhóm Nghị sỹ hữu nghị Việt Nam - Lào và Lào - Việt Nam; tổ chức giao lưu giữa hai Nhóm nữ đại

biểu Quốc hội và giữa hai Nhóm đại biểu Quốc hội trẻ hai nước.

Chủ tịch Quốc hội Lào bày tỏ cảm ơn Quốc hội Việt Nam đã cử nhiều đoàn chuyên gia sang thuyết trình tại Quốc hội Lào. Hai bên đã phối hợp chặt chẽ, tổ chức nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng cho đại biểu Quốc hội và cán bộ của Quốc hội Lào. Chủ tịch Quốc hội Pany Yathotou bày tỏ mong muốn thời gian tới, Quốc hội cũng như Hội đồng nhân dân các tỉnh của Việt Nam sẽ tiếp tục giúp đỡ, hỗ trợ, trao đổi kinh nghiệm, thông tin với nhiều hình thức cho đại biểu Quốc hội cũng như Hội đồng nhân dân các địa phương của Lào.



Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân và Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou chứng kiến Lễ ký thỏa thuận hợp tác giữa Văn phòng Quốc hội Việt Nam và Văn phòng Quốc hội Lào. Ảnh: Trọng Đức/TTXVN

Hai Chủ tịch Quốc hội đánh giá cao và biểu dương sự hợp tác chặt chẽ giữa hai Văn phòng Quốc hội, trong đó có việc tổ chức hoạt động giao lưu thường niên (hai năm một lần). Năm nay là lần thứ 9 giao lưu thường niên giữa hai Văn phòng Quốc hội sẽ tổ chức tại Việt Nam.

Sau hội đàm, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân và Chủ tịch Quốc hội Pany Yathotou đã ký Thỏa thuận hợp tác hai Quốc hội giai đoạn 2017- 2021; chứng kiến hai lãnh đạo

Văn phòng Quốc hội hai nước ký kết Thỏa thuận hợp tác giai đoạn mới 2017-2021, thể hiện bước phát triển mới trong hợp tác giữa hai Quốc hội Việt Nam - Lào.

* Sáng cùng ngày, Đoàn đại biểu cấp cao Quốc hội Lào do đồng chí Pany Yathotou, Chủ tịch Quốc hội dẫn đầu đã đến đặt vòng hoa và vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Việt Nam - Lào coi trọng hợp tác quốc phòng trên tuyến biên giới

Chiều 25/4, tại Hà Nội, Trung tướng Phan Văn Giang, Tổng Tham mưu trưởng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng đã tiếp thân mật Thiếu tướng Khăm-liêng, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Lào, nhân dịp đoàn đang ở thăm và làm việc tại Việt Nam.

Trung tướng Phan Văn Giang chúc mừng Thiếu tướng Khăm-liêng và các thành viên đoàn sang thăm và làm việc tại Việt Nam; nhấn mạnh, chuyến thăm của Đoàn diễn ra trong bối cảnh hai nước đang tổ chức các hoạt động kỷ niệm 40 năm Ngày ký Hiệp ước hữu nghị và Hợp tác Việt

Nam - Lào (18/7/1977-18/7/2017); 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao (5/9/1962-5/9/2017), có ý nghĩa quan trọng, góp phần tăng cường hợp tác giữa quân đội hai nước.

Trung tướng Phan Văn Giang đề nghị các cơ quan Bộ Quốc phòng hai bên tiếp tục có mối liên hệ mật thiết trong quá trình triển khai, thực hiện các nội dung hợp tác, phục vụ hiệu quả sự nghiệp quốc phòng - an ninh mỗi nước.

Thiếu tướng Khăm-liêng cảm ơn Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam đã dành thời gian tiếp và nhấn mạnh: Hiện nay, trước tình hình thế giới diễn biến mau lẹ và phức tạp, các thế lực thù địch luôn tìm cách xuyên tạc, chia rẽ, phá hoại mối quan hệ hữu nghị, truyền thống tốt đẹp quân đội và nhân dân hai nước, hai nước Việt Nam - Lào cần tăng cường hợp tác, phối hợp chặt chẽ về quốc phòng trên tuyến biên giới, để ngăn chặn hiệu quả những âm mưu chia rẽ, đảm bảo ổn định an ninh chính trị, xã hội, phát triển kinh tế của mỗi nước.

Hoàng Thị Hoa-Hồng Pha / TTXVN

PHỐI HỢP CHUẨN BỊ HỘI NGHỊ CHỦ TỊCH MẶT TRẬN BA NƯỚC CAMPUCHIA - LÀO - VIỆT NAM

Cuộc họp trụ bị về tổ chức Hội nghị lần thứ 3 Chủ tịch Mặt trận ba nước Campuchia - Lào - Việt Nam đã được tổ chức sáng 26/5, tại Hà Nội.

Ông Trần Thanh Mẫn, Phó Chủ tịch – Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam; ông Nhem Valy, Quyền Tổng Thư ký Hội đồng quốc gia Mặt trận Đoàn kết

phát triển tổ quốc Campuchia, Phó Chủ tịch Ủy ban tổ chức lễ nghi quốc gia và quốc tế Vương quốc Campuchia; bà Khăm Chăn Phôm Sêng Sạ Văn, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào xây dựng đất nước, đồng chủ trì cuộc họp.

Thay mặt Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Phó Chủ tịch – Tổng Thư ký Trần Thanh

Mẫn vui mừng chào đón đoàn đại biểu cấp cao Hội đồng quốc gia Mặt trận Đoàn kết phát triển tổ quốc Campuchia và đoàn đại biểu cấp cao Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào xây dựng đất nước sang thăm, làm việc tại Việt Nam. Chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam lần này của hai đoàn có ý nghĩa hết sức quan trọng, khẳng định quyết tâm cao của lãnh đạo Mặt trận ba nước trong việc không ngừng củng cố, phát triển mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.



Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Trần Thanh Mẫn phát biểu khai mạc. Ảnh: Nguyễn Dân/TTXVN

MTTQ Việt Nam luôn coi trọng việc tăng cường quan hệ hợp tác với Mặt trận Đoàn kết phát triển tổ quốc Campuchia và Mặt trận Lào xây dựng đất nước. Mối quan hệ giữa ba tổ chức Mặt trận, giữa các đoàn thể nhân dân của ba nước trong những năm qua ngày càng được củng cố và phát triển, Phó Chủ tịch – Tổng Thư ký Trần Thanh Mẫn khẳng định.

Tại cuộc họp, lãnh đạo Mặt trận ba nước đã trao đổi, thống nhất nội dung chuẩn bị cho các hoạt động quan trọng sắp tới gồm: Hội nghị Chủ tịch Mặt trận ba nước Campuchia - Lào - Việt Nam; Hội nghị đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác Việt Nam - Campuchia; Hội nghị đường biên giới

hòa bình, hữu nghị, hợp tác Việt Nam - Lào...

Các bên cũng góp ý vào dự thảo Kế hoạch tổ chức Hội nghị Chủ tịch Mặt trận ba nước, Dự thảo Biên bản ghi nhớ chương trình hợp tác giữa Mặt trận ba nước giai đoạn 2017 – 2020. Các ý kiến đều thống nhất: Hội nghị Chủ tịch Mặt trận ba nước Lào - Campuchia - Việt Nam là sự kiện chính trị đặc biệt quan trọng, là tượng trưng cho sự thống nhất ý chí và hành động của Mặt trận ba nước hướng tới mục tiêu cùng xây dựng, vun đắp tình hữu nghị, truyền thống giữa ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

Những nội dung của kế hoạch về thời gian, địa điểm, thành phần, chương trình và dự kiến Biên bản ghi nhớ chương trình hợp tác giữa Mặt trận ba nước giai đoạn 2017 – 2020 đã được đại diện của ba bên đồng tình thống nhất. Theo đó, Hội nghị Chủ tịch Mặt trận ba nước Campuchia – Lào – Việt Nam dự kiến được tổ chức vào ngày 25/6/2017 tại Thủ đô Hà Nội, nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong những ngày diễn ra Hội nghị, nhiều hoạt động giao lưu hữu nghị và hợp tác giữa ba nước sẽ được tổ chức...

* Cùng ngày, Đoàn đại biểu cấp cao Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và Đoàn đại biểu cấp cao Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào xây dựng đất nước đã tiến hành hội đàm. Hai bên trao đổi về công tác chuẩn bị Hội nghị quốc tế về xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển Việt Nam - Lào năm 2017, dự kiến sẽ được tổ chức từ ngày 13-16/7/2017 tại tỉnh Quảng Bình, Việt Nam. Hai bên đã tập trung bàn về các vấn đề: Thời gian, địa điểm, thành phần, nội dung, chương trình của Hội nghị.

Cũng trong chiều 26/5, Đoàn đại biểu cấp cao Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và Đoàn đại biểu cấp cao Hội đồng quốc gia Mặt trận Đoàn kết phát triển tổ quốc Campuchia đã hội đàm, thống nhất công tác chuẩn bị

cho Hội nghị quốc tế xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị Việt Nam - Campuchia lần thứ 5 dự kiến sẽ diễn ra từ ngày 10-15/8/2017, tại tỉnh Kompot, Vương quốc Campuchia.

Phúc Hằng (TTXVN)

VIỆT NAM – CAMPUCHIA KHÁNH THÀNH CỘT MỐC BIÊN GIỚI SỐ 41 VÀ 43

Sáng 17-5, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đắk Lắk tổ chức lễ khánh thành cột mốc số 41 và cột mốc số 43.

Dự lễ có thiếu tướng Thái Đại Ngọc, Phó tư lệnh Quân khu 5; đại diện lãnh đạo Ban chỉ đạo Tây Nguyên; ông Y Giang Gry Niê Knơng, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk và ngài Chin So Chan Tha, Phó Tỉnh trưởng tỉnh Mun Đul Ki Ri (Campuchia) cùng đại diện lãnh đạo các sở, ban ngành của địa phương.



Các đại biểu kéo băng khánh thành cột mốc số 41

Cột mốc số 41 và mốc số 43 thuộc đoạn biên giới đất liền tiếp giáp giữa tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam và tỉnh Mun Đul Ki Ri, Vương quốc Campuchia, nằm trên đoạn biên giới do Đồn Biên phòng Ea Hleo và Đồn Biên phòng Yok Mbren quản lý.

Công trình được hoàn thành sau gần 3 tháng thi công, thể hiện quyết tâm của Chính phủ Việt Nam và Vương quốc Campuchia cũng như ý chí và nguyện vọng của lãnh đạo tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Mun Đul Ki Ri cũng như các lực lượng bảo vệ biên giới và nhân dân các dân tộc hai bên biên giới.

Như vậy, đến nay trên đoạn biên giới dài 73 km tiếp giáp giữa hai tỉnh Đắk Lắk và Mun Đul Ki Ri ta và bạn đã tiến hành cắm xong 7/7 vị trí cột mốc.

Phát biểu tại lễ khánh thành, ông Y Giang Gry Niê Knơng, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, đánh giá cao sự lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo hai tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Mun Đul Ki Ri cũng như những nỗ lực của đội ngũ cán bộ, kỹ thuật, nhân viên hai đội phân giới cắm mốc Việt Nam - Campuchia. Đồng chí Phó Chủ tịch cũng đã biểu dương công tác bảo đảm an ninh, an toàn của cán bộ, chiến sĩ các đồn biên phòng trong suốt quá trình thi công các cột mốc. Việc khánh thành xây dựng cột mốc số 41 và 43 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý bảo vệ biên giới, thúc đẩy giao lưu hợp tác phát triển, xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị. Đồng thời, đồng chí cũng yêu cầu hai đội phân giới của hai nước Việt Nam – Campuchia tiếp tục phối hợp

triển khai khảo sát thi công các vị trí mốc phụ trong thời gian tới./.

Thành Nhân –
Nhuông Lân / Báo Kinh tế nông thôn

XÂY DỰNG TÌNH QUÂN - DÂN NƠI BIÊN GIỚI

Báo Tin tức Cuối tuần số 20 đã đăng tải Chuyên đề "Bộ đội biên phòng giúp dân làm kinh tế", ghi nhận các mô hình sản xuất giữa Bộ đội biên phòng với người dân, giúp đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế, thoát nghèo. Thiếu tướng Lê Như Đức, Phó Chủ nhiệm Chính trị Bộ đội Biên phòng khẳng định Bộ đội Biên phòng đã tham gia một cách thiết thực và hiệu quả trong công tác củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giúp bà con phát triển kinh tế ở khu vực biên giới.

Xin đồng chí cho biết về hiệu quả phong trào phát huy truyền thống "4 cùng" trong lực lượng Bộ đội Biên phòng?

Biên giới quốc gia vững mạnh, ổn định là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho một quốc gia độc lập duy trì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững. Chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ phải được quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt, có hiệu quả và là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng Bộ đội Biên phòng (BĐBP) giữ vai trò nòng cốt, chuyên trách. Bộ đội Biên phòng luôn xem "Đồn là nhà, biên giới là quê hương, đồng bào dân tộc là anh em ruột thịt" để "4 cùng", tham gia củng cố hệ thống chính trị, giúp bà con phát triển kinh tế.

Các đơn vị BĐBP đã trực tiếp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các địa phương về củng cố hệ thống tổ chức chính trị ở cơ sở và trực tiếp tham gia cấp ủy, chính quyền các xã

biên giới; tham mưu đề ra các chủ trương, giải pháp nhằm xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, nhất là hoạt động của tổ chức Đảng và công tác phát triển đảng viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tham mưu xây dựng, bổ sung các quy chế, quy định và duy trì nền nếp sinh hoạt Đảng ở địa phương, đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo trong duy trì chế độ sinh hoạt Đảng và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền ở cơ sở.



Cán bộ, chiến sĩ Đồn Biên phòng Cửa khẩu Chi Ma tỉnh Lạng Sơn tham gia làm đường giúp nhân dân.

Cùng với cấp ủy, chính quyền các địa phương, các đơn vị BĐBP và cán bộ biên phòng tăng cường xã đã rà soát, xây dựng kế hoạch xóa "thôn, bản trắng" tổ chức Đảng và đảng viên". Trong những năm qua, trên địa bàn khu vực biên giới cả nước, BĐBP đã xóa được 572 thôn, bản trắng đảng viên, phát triển được 17.228 đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng đảng viên, xây dựng tổ chức Đảng ở

địa phương vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức Đảng và đảng viên và là cầu nối quan trọng giữa Đảng với đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

Tham mưu, phối hợp với cấp ủy, chính quyền các xã biên giới xây dựng, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quần chúng như: Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, các tổ an ninh nhân dân, Hội Người cao tuổi... Nhiều địa bàn biên giới "trắng tổ chức" quần chúng, nhưng đến nay đã thành lập, xây dựng đủ các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể quần chúng.

Bên cạnh đó, các hoạt động giao lưu, kết nghĩa giữa các đoàn thể quần chúng với các đồn biên phòng cũng được thường xuyên tổ chức, qua đó xây dựng được các phong trào, mô hình xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương như giúp nhau làm kinh tế, xóa đói giảm nghèo bền vững, các tổ tàu thuyền an toàn làm chủ, nghiệp đoàn nghề cá, nhà tình thương, hũ gạo tiết kiệm, lớp học tình thương trên đảo... đã hoạt động mang lại hiệu quả thiết thực.

Tính đến nay, toàn lực lượng BDBP đã có 308 cán bộ BDBP tăng cường các xã biên giới, trong đó có 15 đồng chí giữ chức Bí thư, 218 đồng chí giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã. Đội ngũ cán bộ tăng cường xã đã chủ động tham mưu, tham gia cùng cấp ủy, chính quyền các xã biên giới triển khai thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng ở địa phương như Chương trình 135, 134, Nghị quyết 30a, Nghị quyết 80 của Chính phủ và phong trào "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" rất thiết thực và có hiệu quả cao.

Đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò của BDBP trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?

Đội ngũ cán bộ biên phòng tăng cường xã đã tham mưu rà soát, đánh giá cụ thể về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn, từ đó xây dựng kế hoạch, đề ra chủ trương, giải pháp và đề xuất phương án đầu tư, hỗ trợ, từng bước xây dựng khu vực biên giới vững mạnh. Đến nay, nhiều xã, phường biên giới đã thực hiện được hàng trăm dự án vừa và nhỏ, xây dựng đầy đủ cơ sở hạ tầng ở khu vực biên giới như: Làm đường giao thông, thủy lợi, xây dựng trường học, trạm y tế, kéo điện lưới quốc gia về các thôn, bản, xóa mù về thông tin và truyền thông... với tổng số tiền lên đến hàng trăm tỉ đồng. Qua đó đã giúp 101 xã biên giới từ yếu, kém vươn lên trung bình, 192 xã từ trung bình vươn lên khá về kinh tế - xã hội.

Các đồn biên phòng đã tổ chức xây dựng các mô hình giúp dân phát triển kinh tế - xã hội, mỗi đơn vị lựa chọn một mô hình giúp dân cụ thể, gắn với quy hoạch dân cư và phát triển kinh tế hộ gia đình... Bằng nhiều hình thức và cách làm hiệu quả của các đơn vị, đến nay nhiều mô hình phát triển kinh tế đang được nhân rộng ở nhiều địa phương, mang lại hiệu quả thiết thực trong phát triển kinh tế hộ gia đình, được cấp ủy, chính quyền và nhân dân đánh giá cao, như: Chương trình "Mái ấm cho người nghèo nơi biên giới, hải đảo" đã xây dựng được gần 7.000 ngôi nhà đại đoàn kết tặng đồng bào nghèo và 277 công trình dân sinh, với tổng trị giá hơn 300 tỷ đồng; chương trình "Bò giống giúp người nghèo nơi biên giới" đã trao tặng cho đồng bào nghèo hơn 24.000 con bò giống, tổng trị giá 360 tỷ đồng.

Đặc biệt là: Dự án bảo tồn dân tộc La Hủ ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai

Châu; dân tộc Đan Lai ở huyện Con Công, tỉnh Nghệ An; dự án thủy lợi Rục Lán trồng lúa 2 vụ một năm tại xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu triển khai các mô hình nuôi dưỡng các cháu học sinh; BDBP thành phố Hải Phòng triển khai mô hình du lịch cộng đồng gắn với phát triển bền vững ở xã Việt Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Hiện nay, lực lượng BDBP đang thực hiện cuộc vận động "Nâng bước em tới trường" trên địa bàn khắp cả nước. Các đơn vị đã nhận đỡ đầu 2.731 cháu học sinh (500.000 đồng/tháng/cháu) từ lớp 1 đến lớp 12, trong đó có 17 cháu hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được đưa về các đồn biên phòng nuôi ăn học và 153 cháu học sinh bên kia biên giới của nước Cộng hòa dân chủ nhân

dân Lào và Vương quốc Campuchia. Thực hiện đối ngoại nhân dân để xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Các đơn vị BDBP còn tham gia cùng địa phương thực hiện tốt công tác y tế, giáo dục ở khu vực biên giới; tổ chức tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, giáo dục sức khỏe dân số - kế hoạch hóa gia đình; tiếp tục thực hiện chương trình xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học cho các cháu ở khu vực biên giới, góp phần tô thắm thêm hình ảnh tốt đẹp về "Bộ đội Cụ Hồ", về người "Thầy giáo quân hàm xanh", "Thầy thuốc quân hàm xanh" trong lòng cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc ở khu vực biên giới.

Việt Hoàng (thực hiện)
<http://baotintuc.vn>

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG SƠN LA TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC VỚI CÁC TỈNH BẮC LÀO

Chiều 4/5, Công an tỉnh Sơn La chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tổ chức buổi gặp mặt trao đổi công tác phối hợp giữa lực lượng vũ trang tỉnh Sơn La với lực lượng vũ trang các tỉnh bắc Lào.

Đây là hoạt động có ý nghĩa nhân kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao (5/9/1962 - 5/9/2017) và 40 năm Ngày ký Hiệp ước hữu nghị hợp tác Việt Nam - Lào (18/7/1977 - 18/7/2017).

Tới dự và phát biểu tại buổi gặp mặt, đồng chí Chăm Ngọc Minh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La cho biết: Sơn La có 250 km đường biên giới giáp với tỉnh Hủa Phăn và Luông Pha Băng (Cộng hòa Dân chủ

Nhân dân Lào). Từ năm 1969 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, tỉnh Sơn La đã có quan hệ hữu nghị và ký văn bản hợp tác toàn diện với các tỉnh bắc Lào.



Đồng chí Chăm Ngọc Minh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La phát biểu tại buổi gặp mặt.

Sơn La luôn duy trì tốt các đoàn đại biểu sang thăm, trao đổi kinh nghiệm, thực hiện các nội dung hợp tác, tăng cường vun đắp quan hệ hợp tác, đoàn kết hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào nói chung, giữa địa phương và các tỉnh bắc Lào nói riêng. Trong năm 2016, Sơn La tiếp tục thực hiện chương trình hợp tác với các tỉnh bắc Lào; duy trì công tác trao đổi thông tin, phối hợp xử lý kịp thời những vụ việc liên quan đến an ninh trật tự; tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân khu vực biên giới thực hiện tốt Hiệp định về quy chế biên giới quốc gia Việt Nam - Lào. Sơn La cũng xây dựng chương trình mời đoàn đại biểu các tỉnh bắc Lào sang thăm quan mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Số lượng lưu học sinh của các tỉnh bắc Lào được đào tạo tại Sơn La tăng dần hàng năm...



Lãnh đạo tỉnh Sơn La và các đại biểu trao đổi thông tin.

Thay mặt Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Sơn La, đồng chí Chăm Ngọc Minh đánh giá cao mối quan hệ và hiệu quả hợp tác bảo đảm quốc phòng - an ninh giữa lực lượng vũ trang tỉnh Sơn La và lực lượng vũ trang các tỉnh bắc Lào trong suốt những năm qua, tạo môi trường an toàn, thuận lợi phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của mỗi tỉnh; đồng thời là căn cứ, cơ sở vững chắc để tiếp tục xây dựng, vun đắp tình

đoàn kết hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào, Sơn La với các tỉnh bắc Lào mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững.

Trước tình hình thế giới và khu vực hiện nay diễn biến phức tạp, khó lường, đồng chí Chăm Ngọc Minh đề nghị lực lượng vũ trang tỉnh Sơn La và lực lượng vũ trang các tỉnh bắc Lào, nhất là tỉnh biên giới giáp ranh tiếp tục phát huy vai trò chủ công, nòng cốt tham mưu với cấp ủy, chính quyền các tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh. Hai bên chỉ đạo tập trung nguồn lực nhằm phát triển kinh tế - xã hội, củng cố hệ thống chính trị, nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng tuyến biên giới ổn định, phát triển.

Tại buổi gặp mặt, các đại biểu cùng ôn lại quan hệ truyền thống gắn bó bền chặt giữa hai Đảng, hai Nhà nước Việt Nam - Lào; giữa tỉnh Sơn La với các tỉnh bắc Lào nói chung, lực lượng vũ trang nói riêng trên tinh thần coi trọng và dành mọi ưu tiên trong việc củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng

Các ý kiến phát biểu đều khẳng định, thời gian qua, lực lượng vũ trang tỉnh Sơn La và lực lượng vũ trang các tỉnh bắc Lào thường xuyên phối hợp, tăng cường quản lý công tác xuất nhập cảnh; đấu tranh, phòng chống tội phạm, hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại và phòng chống dịch bệnh. Lực lượng vũ trang hai bên đã đảm bảo an ninh, an toàn công tác tôn tạo và tăng dày hệ thống mốc quốc giới Việt Nam - Lào với 125/125 cột mốc quốc giới tuyến Sơn La - Hòa Phấn và Sơn La - Luông Pha Băng.

Lực lượng vũ trang hai bên đã tăng cường phối hợp, nhất là đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn bán, vận chuyển ma túy qua biên giới; phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền các

địa phương hai bên biên giới làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng nhân dân thực hiện tốt các hiệp định, quy chế biên giới...

Nguyễn Cường / Báo tin tức

CÔNG ĐIỆN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC NGĂN CHẶN KHAI THÁC HẢI SẢN TRÁI PHÉP Ở VÙNG BIỂN NƯỚC NGOÀI

Thủ tướng Chính phủ vừa có Công điện 732/CĐ-TTg về việc ngăn chặn, giảm thiểu và chấm dứt tình trạng tàu cá và ngư dân Việt Nam khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài.



Tàu đánh cá của ngư dân xã đảo An Hải, huyện Lý Sơn. Ảnh: Huy Hùng – TTXVN

Công điện ngày 28/5 nêu rõ, trong những năm qua, các bộ, ngành và địa phương đã triển khai thực hiện quyết liệt Chỉ thị số 689/CT-TTg ngày 18/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp nhằm ngăn chặn, giảm thiểu tình trạng tàu cá và ngư dân Việt Nam bị nước ngoài bắt giữ, tình hình tàu cá và ngư dân vi phạm khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài có giảm.

Tuy nhiên, từ cuối năm 2015 đến nay, tình hình tàu cá và ngư dân vi phạm gia tăng trở lại và diễn biến phức tạp, đặc biệt là tại các tỉnh Quảng Ngãi,

Kiên Giang, Cà Mau, Bình Định, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Bến Tre, Tiền Giang, gây ảnh hưởng đến hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế, tác động xấu đến việc xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào thị trường thế giới.

Để ngăn chặn, giảm thiểu và chấm dứt tình trạng trên, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành và địa phương tập trung giải quyết một số việc cấp bách sau:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Trình Chính phủ phê duyệt và triển khai ngay Chương trình hành động quốc gia về ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU Fishing).

b) Rà soát, sửa đổi các chính sách hiện hành, các quy định để siết chặt công tác quản lý; bổ sung các chế tài để xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đối với chủ tàu, thuyền trưởng và tổ chức, cá nhân môi giới đưa tàu cá và ngư dân đi khai thác thủy sản trái phép ở vùng biển nước ngoài; tăng cường thực thi pháp luật trong quản lý khai thác thủy sản để ngăn chặn, giảm thiểu tàu cá và ngư dân vi phạm.

c) Tăng cường đàm phán, ký kết thỏa thuận hợp tác về thủy sản và tổ chức cho ngư dân đi khai thác thủy sản hợp pháp tại một số nước, thiết lập đường dây nóng chống đánh bắt bất hợp pháp, tuần tra chung với các nước có biển liên quan.

d) Chỉ đạo lực lượng Kiểm ngư tăng cường thực thi pháp luật, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên các vùng biển, cùng với lực lượng liên quan phát hiện, ngăn chặn kịp thời tàu cá, ngư dân có dấu hiệu vi phạm vùng biển nước ngoài.

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức của nước ngoài và quốc tế tuyên truyền, tập huấn cho tổ chức, cá nhân liên quan các quy định pháp luật về thủy sản của Việt Nam, quốc tế và các nước tại các địa bàn trọng điểm thường xuyên có tàu cá và ngư dân vi phạm.

2. Bộ Quốc phòng chỉ đạo các lực lượng chức năng:

a) Kiểm soát chặt chẽ tàu cá khi xuất, nhập bến; kiên quyết không cho ra khơi khi chưa đủ các thủ tục, giấy tờ, các trang thiết bị theo quy định; đơn vị nào để xảy ra vi phạm thì chỉ huy đơn vị đó chịu trách nhiệm trước Bộ Quốc phòng và trước pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các lực lượng liên quan tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý tàu cá nước ngoài vi phạm vùng biển Việt Nam, tập trung vào các khu vực biển giáp ranh, chồng lấn, khu vực có nhiều tàu cá qua lại, khu vực thường xuyên có hành vi vi phạm; ngăn chặn tàu cá Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài, trong đó chú trọng phát hiện, đề xuất xử lý nghiêm các hành vi môi giới, đầu tư cho tàu cá, ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài, chuộc tàu cá, ngư dân về nước trái phép.

c) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động thủy sản đáp ứng yêu cầu thực tế đặt ra.

3. Bộ Công an:

a) Chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương tăng cường nắm tình hình, kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm các trường hợp tổ chức đưa tàu cá và ngư dân ra nước ngoài khai thác hải sản trái pháp luật hoặc môi giới chuộc tàu cá, ngư dân bị nước ngoài bắt giữ về nước trái phép.

b) Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành nhanh chóng xác minh nhân thân của các ngư dân bị nước ngoài bắt giữ, xử lý để phục vụ công tác bảo hộ, sớm đưa ngư dân về nước, hạn chế phức tạp về an ninh, trật tự có thể xảy ra.

c) Quản lý chặt chẽ số ngư dân được nước ngoài trả về, phát hiện và xử lý các trường hợp bị nước ngoài hoặc các thế lực thù địch tác động, mua chuộc, lôi kéo hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

4. Bộ Ngoại giao:

a) Tiếp tục thực hiện công tác bảo hộ ngư dân, đề nghị các nước liên quan xử lý trên tinh thần nhân đạo, theo thông lệ quốc tế, không sử dụng vũ lực, đe dọa sử dụng vũ lực đối với tàu cá và ngư dân Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài.

b) Kiên quyết đấu tranh với các nước bắt giữ trái phép tàu cá và ngư dân Việt Nam trên vùng biển Việt Nam, vùng biển chồng lấn chưa phân định giữa Việt Nam và các nước.

5. Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí đẩy mạnh công tác tuyên

truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong quần chúng nhân dân về các quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề phân định vùng biển giữa Việt Nam và một số quốc gia láng giềng, lưu ý các vùng biển chưa phân định, chồng lấn với các nước; tuyên truyền các quy định pháp luật trong hoạt động thủy sản của Việt Nam, quốc tế và các nước thường xuyên có tàu cá và ngư dân Việt Nam vi phạm; tập huấn báo chí để thông tin chính xác, tránh sai sót.

b) Phối hợp với các Bộ: Công an, Ngoại giao, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông tin kết quả điều tra, xử lý một số vụ việc điển hình về môi giới, đầu tư cho tàu cá ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài nhằm mục đích răn đe, giáo dục, đề cao cảnh giác.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc biệt các tỉnh trọng điểm: Quảng Ngãi, Kiên Giang, Cà Mau, Bình Định, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Bến Tre và Tiền Giang:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và người đứng đầu chính quyền các cấp tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm và có hình thức xử lý đối với chính quyền các cấp, sở ngành liên quan để tàu cá và ngư dân thường xuyên vi phạm; báo cáo kết quả Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15/8/2017. Trong thời gian tới, nếu không ngăn chặn được tình trạng vi phạm thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và người đứng đầu chính quyền các cấp chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ.

b) Kiên quyết không cấp giấy phép khai thác thủy sản, không cho đóng mới đối với chủ tàu có tàu cá tái phạm; tàu cá bị bắt giữ chuộc, thả hoặc trốn về nước tạm dừng chuyển quyền sở hữu và tước quyền giấy phép khai thác thủy sản trong vòng 6 tháng; tàu cá vi phạm không được

hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

c) Nâng cao trách nhiệm, năng lực hoạt động của Tổ công tác 689 địa phương, phối hợp chặt chẽ các lực lượng theo dõi, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi môi giới, đầu tư cho tàu cá, ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài; chuộc tàu cá, ngư dân về nước trái phép.

d) Bắt buộc chủ tàu cá vi phạm phải chi trả kinh phí để đưa ngư dân vi phạm về nước; nếu chủ tàu không chi trả thì địa phương có tàu vi phạm chịu trách nhiệm chi trả.

đ) Tàu cá khai thác hải sản xa bờ phải lắp thiết bị giám sát hành trình theo quy định của pháp luật Việt Nam, mở máy hoạt động 24/24 giờ để cơ quan chức năng quản lý, giám sát.

e) Tổ chức tốt công tác truy xuất nguồn gốc hải sản khai thác; kiểm tra, kiểm soát, xử lý nghiêm việc khai thác, tiêu thụ, chế biến hải sản, hải sản quý hiếm trái phép.

g) Lập danh sách quản lý chặt chẽ, tổ chức kiểm điểm chủ tàu, thuyền trưởng, ngư dân vi phạm bị nước ngoài bắt giữ, xử lý trước cộng đồng địa phương.

7. Các bộ, ngành liên quan và địa phương tiếp tục tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 689/CT-TTg ngày 18/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Công điện này. Hàng tháng, quý, sáu tháng, một năm báo cáo kết quả về thường trực Tổ công tác liên ngành 689 TW.

8. Giao Tổ công tác liên ngành 689 TW có trách nhiệm giúp Thủ tướng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Công điện./.

Theo <http://dangcongsan.vn/>

VẤN ĐỀ BIỂN ĐẢO ĐƯỢC THÔNG TIN ĐẾN CỬ TRI

Những lần tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp của ĐBQH, vấn đề biển Đông tiếp tục được người dân kiến nghị Đảng - Nhà nước ta có giải pháp đấu tranh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo. Bên cạnh đó cũng có cử tri đề nghị Bộ Ngoại giao phối hợp bộ, ngành liên quan thực hiện các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ tính mạng, tài sản của ngư dân khi hành nghề tại ngư trường thuộc hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên biển Đông...



Vấn đề biển đảo được ĐBQH thông tin đến người dân phường Phước Hội (thị xã La Gi) tại buổi tiếp xúc cử tri mới đây.

Vấn đề này, Bộ Ngoại giao đã có văn bản trả lời và được ĐBQH thông tin đến người dân tại các buổi tiếp xúc cử tri trước khi kỳ họp thứ 3 - Quốc hội khóa XIV diễn ra từ ngày 22/5 - 20/6/2017. Theo Bộ Ngoại giao, Đảng - Nhà nước ta xác định bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo, duy trì an ninh, hòa bình, ổn định ở trong nước cũng như quốc tế, phục vụ xây dựng, phát triển đất nước là mục tiêu và nhiệm vụ chính trị hàng đầu. Đồng thời, chủ trương nhất quán của Đảng - Nhà nước là kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt

Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia ở biển Đông bằng các biện pháp hòa bình, không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có Hiến chương LHQ và Công ước của LHQ về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS)...

Cũng theo Bộ Ngoại giao thì trên lĩnh vực đối ngoại, ta chủ động triển khai các biện pháp đấu tranh ở nhiều kênh, nhiều cấp và bằng nhiều hình thức khác nhau. Như trong năm 2016, Việt Nam đã tiến hành 44 lần giao thiệp, trao 23 công hàm phản đối các hoạt động vi phạm của Trung Quốc liên quan đến bồi đắp, xây dựng, lắp đặt, thử nghiệm các thiết bị, công trình, diễn tập quân sự tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hoặc xua đuổi, trấn áp tàu cá, ngư dân ta... Bên cạnh đó, Đảng - Nhà nước ta cũng luôn coi trọng phát triển quan hệ hữu nghị, thúc đẩy hợp tác với các nước ven biển Đông, tạo môi trường thuận lợi cho việc giải quyết tranh chấp ở vùng biển này. Với Trung Quốc, ta tích cực thúc đẩy quan hệ hữu nghị, tăng cường tin cậy chính trị thông qua trao đổi đoàn cấp cao giữa hai nước, đẩy mạnh hợp tác trên nhiều lĩnh vực, thực hiện nghiêm túc các thỏa thuận đã ký cũng như nhận thức chung giữa lãnh đạo cấp cao hai nước. Ngoài ra, Việt Nam luôn quan tâm thúc đẩy việc giải quyết vấn đề liên quan đến vùng biển chồng lấn với các nước Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan. Song song đó, ta còn phối hợp các nước ASEAN tích cực thúc đẩy Trung Quốc thực hiện nghiêm túc Tuyên bố về ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC) và

đàm phán xây dựng COC... Các hoạt động đối ngoại của Đảng - Nhà nước đã góp phần tạo dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với các nước, đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định trong lẫn ngoài nước, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Liên quan đến địa phương, mới đây ông Nguyễn Hồng Hải - ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận đã thông tin cụ thể về việc Bộ Ngoại giao trả lời ý kiến của cử tri tại thị xã La Gi. Theo đó, vụ việc 71 thuyền viên trên 8 tàu cá thuộc phường Phước Hội bị Indonesia bắt giữ vào năm ngoái được Bộ Ngoại giao chỉ đạo Đại sứ quán Việt Nam tại nước sở tại xác minh, có biện pháp can thiệp để thả tàu cá, ngư dân bị bắt. Tiếp đó còn đề nghị Bộ Quốc phòng và Bộ NN & PTNT phối hợp xác minh thông tin nhằm làm cơ sở đấu tranh, gặp Đại sứ quán Indonesia tại Hà Nội nêu sự việc, đề nghị phía bạn không thực hiện các biện pháp mạnh như truy đuổi, bắt giữ tàu cá trong vùng biển hai bên đang tiến hành đàm phán phân định vùng đặc quyền kinh tế. Sau

hiều nỗ lực bảo hộ của Bộ Ngoại giao, Đại sứ quán Việt Nam tại Indonesia thì phía bạn đã thả phần lớn ngư dân bị bắt giữ và trở về nước vào giữa tháng 9/2016, đồng thời được cơ quan chức năng bàn giao cho tỉnh Bình Thuận. Trong thời gian qua, Bộ Ngoại giao vẫn tiếp tục chỉ đạo Đại sứ quán Việt Nam tại Indonesia tích cực đấu tranh, can thiệp với cơ quan chức năng để đề nghị phía bạn sớm trả tự do cho số ngư dân còn lại và những tàu bị bắt giữ...

Có thể nói với quan điểm thể hiện rõ ràng, nhất quán đến nay, vấn đề biển Đông trở thành mối quan tâm lớn của các nước trong cũng như ngoài khu vực và được cộng đồng quốc tế ủng hộ, đánh giá tích cực lập trường của Việt Nam. Và thực tế thời gian qua, chúng ta đã xử lý thỏa đáng nhiều vụ việc, hành động xâm phạm chủ quyền biển đảo của Việt Nam, mặt khác vẫn duy trì quan hệ hợp tác, hữu nghị với các bên liên quan và tranh thủ được sự ủng hộ từ cộng đồng quốc tế.

Đ.QUỐC / Báo Bình Thuận

ĐỂ KINH TẾ BIỂN THÀNH NGÀNH MŨI NHỌN: CẦN PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

Với ngư trường rộng lớn khoảng 52.000 km², có đảo Phú Quý ngoài khơi cách thành phố Phan Thiết 120 km, Bình Thuận còn có tiềm năng rất lớn về khai thác hải sản. Đây là một trong những ngư trường lớn của cả nước, có nguồn lợi hải sản phong phú. Vùng biển ven bờ của tỉnh còn là nơi sinh sống của một số loài thân mềm hai mảnh vỏ có giá trị kinh tế cao như điệp quạt, sò lông, bần mai, nghêu lưa, dôm nâu... là những loài đặc thù hầu như không gặp ở các vùng biển

ven bờ khác của cả nước với sản lượng khai thác 20.000 - 40.000 tấn mỗi năm. Diện tích các bãi bồi, bãi triều ven sông và cận bờ biển có thể nuôi tôm bán thâm canh. Đảo Phú Quý có thể nuôi cá lồng bè và các loại hải sản khác...

Phát huy thế mạnh bờ biển dài và ngư trường rộng lớn, tỉnh đã đẩy mạnh đầu tư khai thác hiệu quả kinh tế biển và đã có bước chuyển biến đáng kể. Khai thác hải sản xa bờ được xem đây

là một ngành mũi nhọn. Đội tàu công suất lớn (từ 90 CV trở lên) tiếp tục gia tăng về số lượng, công suất, trở thành đội tàu chủ lực của tỉnh trên vùng biển khơi. Có đóng góp quan trọng về sản lượng và giá trị sản phẩm, giải quyết việc làm và tạo thu nhập cho hàng chục ngàn lao động biển. Toàn tỉnh hiện có 2.895 tàu cá công suất từ 90 CV trở lên, tăng 1.190 chiếc so với năm 2010, tỷ trọng nhóm tàu công suất lớn từ 27,7% năm 2012 tăng lên 40,8 năm 2016 trong đội tàu khai thác toàn tỉnh. Hàng năm số lượng tàu thuyền được trang bị máy thông tin vô tuyến tầm xa, định vị GPS, máy dò cá ngang, tời cơ khí, tời thủy lực, hầm bảo quản cách nhiệt bằng vật liệu mới... tăng lên. Cơ cấu ngành nghề có bước chuyển đổi tích cực, đội ngũ thuyền trưởng, máy trưởng và một bộ phận lao động nòng cốt khai thác xa bờ được trang bị kiến thức về pháp luật hàng hải và kiến thức khuyến ngư trong vận hành sử dụng các thiết bị tàu cá, nghiệp vụ đi biển, tích lũy kinh nghiệm qua nhiều năm.



Ảnh: Đ.H

Tỉnh đẩy mạnh phát triển tàu cá, tàu dịch vụ hậu cần, tàu thu mua chế biến hải sản trên biển. Toàn tỉnh hiện có 7.100 tàu cá/ tổng công suất 916.558 CV, công suất đạt 129,1CV/chiếc, trong đó có 168 tàu dịch vụ thu mua hải sản trên biển chủ yếu hoạt động theo mùa vụ từ tháng 3 - tháng 9

hàng năm tại ngư trường của tỉnh và các tỉnh phía Nam. Sản lượng thu mua khoảng 50 tấn nguyên liệu/tàu/năm, trong đó có nhiều loại hải sản có giá trị cao phục vụ xuất khẩu. Nhờ dịch vụ thu mua trực tiếp trên biển mà chu trình sản xuất được liên tục, giảm được nhiều chi phí trung gian và chất lượng sản phẩm sau khai thác được đảm bảo hơn, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác, tạo điều kiện để ngư dân bám biển dài ngày. Bình Thuận đi đầu cả nước trong phát triển đội tàu dịch vụ hậu cần thu mua hải sản trên biển với hơn 100 tàu công suất lớn, chuyên thu mua hải sản tại vùng biển Trường Sa, Nhà giàn DK1... Đến nay, toàn tỉnh có 5 nghiệp đoàn nghề cá tại Phan Thiết, La Gi, Phan Rí Cửa và huyện đảo Phú Quý với 72 tàu đánh bắt xa bờ và sự tham gia của 746 đoàn viên nghiệp đoàn. Đây là những mô hình hợp tác giúp đỡ nhau trong khai thác, tiêu thụ sản phẩm, trao đổi kinh nghiệm đánh bắt hải sản và hỗ trợ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn khi có sự cố trên biển, đồng thời góp phần bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới biển.

Nhờ đầu tư tàu công suất lớn bám biển dài ngày, hàng năm ngư dân tỉnh khai thác khoảng 190.000 tấn hải sản các loại. Cùng với khai thác, nghề nuôi trồng thủy sản, sản xuất, tiêu thụ tôm giống cũng phát triển mạnh và sản lượng thủy sản nuôi trồng mỗi năm ước đạt gần 15.000 tấn; sản xuất tiêu thụ hơn 22 tỷ con tôm giống. Để khai thác hiệu quả bền vững kinh tế biển trong thời gian tới, tỉnh đã đề ra các chính sách, biện pháp để huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển đảo.

Thanh Duyên /

<http://www.baobinhthuan.com.vn>